

Департамент по делам иностранцев
ВІДДІЛ У СПРАВАХ ІНОЗЕМЦІВ
Department of Foreigners
PHÒNG NGOẠI KIỂU



R/S RECEPCJA / SZATNIA / OCHRONA
РЕЦЕПЦІЯ / РЕЦЕПЦІЯ / РЕЦЕПЦІЯ / РЕЦЕПЦІЯ
TARDELOV RODITELNIA / OLOAKROOM / PHÒNG GỬI ÁO KHOÁC
OCHRONA / OCHRONA / SECURITY / BẢO VỆ

1-5 CENTRUM INFORMACYJNE - INFORMACJA _ 1-5
- ИНФОРМАЦИОННЫЙ ЦЕНТР - ИНФОРМАЦИЯ 1-5;
- INFORMATION CENTRE - INFORMATION 1-5;
- TRUNG TÂM THÔNG TIN - THÔNG TIN 1-5;

6 KANCELARIA _ 6
АДМИНИСТРАЦИЯ / KANCELARIA / OFFICE / VĂN PHÒNG

ELEKTRONICZNY SYSTEM WYDAWANIA NUMERKÓW
CENTRAL SYSTEM OF LINE NUMBERS

7 ZAPROSZENIA _ 7
Привлечение / ЗАПРОШЕННЯ / Invitation / GIẤY MỜI

8-9 POBYT CZASOWY - REZYDENTA DŁUGOTERMINOWEGO UE -
PRZYJMOWANIE WNIOSEK _ 8-9
- Разрешение на временное проживание - Постоянный вид на жительство - заявление о предоставлении
оказии-акции - ПРИЕМ ЗАЯВЛЕНИЙ;
- Permanent, temporary residence permit / Long-term resident's EC residence permit/
SUBMISSION OF APPLICATIONS;
- ТИМЧАСОВЕ ПЕРЕБУВАННЯ / ПОСТІЙНЕ ПЕРЕБУВАННЯ, ПЕРЕБУВАННЯ ДОВГОТЕРМІНОВОГО - РЕЗІДЕНТА ЕС -
ПРИЙМАННЯ ВНИОСКІВ;
- TẠM TRÚ THƯỜNG TRÚ, THƯỜNG TRÚ DÀI HẠN CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU - NHẬN HỒ SƠ;

K KASA / XERO
КЕНОС / КАСА - КЕНОС / KASA, PHOTOCOPYING AND CASH DESK
BẢO TRƯ, PHOTOCOPY VÀ QUẦY THU TIỀN

➤ WEJŚCIE / ENTRANCE / WXOD /

➤ WEJŚCIE DLA NIEPEŁNOSPRAWNYCH
ENTRANCE FOR DISABLED

10 POBYT CZASOWY, STAŁY - REZYDENTA DŁUGOTERMINOWEGO UE -
ODBIÓR KART POBYTU _ 10

- Разрешение на временное проживание - Постоянный вид на жительство - ПОЛУЧЕНИЕ КАРТЫ
ПРЕБУВАНИЯ;
- Permanent, temporary residence permit / Long-term resident's EC residence permit/ RECEIPT OF
RESIDENCE CARDS;
- ТИМЧАСОВЕ ПЕРЕБУВАННЯ / ПОСТІЙНЕ ПЕРЕБУВАННЯ, ПЕРЕБУВАННЯ ДОВГОТЕРМІНОВОГО -
РЕЗІДЕНТА ЕС - ВИДАЧА КАРТИ ПЕРЕБУВАННЯ;
- TẠM TRÚ THƯỜNG TRÚ, THƯỜNG TRÚ DÀI HẠN CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU - NHẬN THẺ CƯ TRÚ;

11 POBYT CZASOWY, STAŁY - REZYDENTA DŁUGOTERMINOWEGO UE -
DOKUMENTY PODRÓŻY, WYMIANA KART POBYTU _ 11

- Разрешение на временное проживание - Постоянный вид на жительство - заявление о предоставлении
документов путешествия, обмен карты пребывания;
- Permanent, temporary residence permit / Long-term resident's EC residence permit/ TRAVEL
DOCUMENTS, EXCHANGE OF RESIDENCE CARDS;
- ТИМЧАСОВЕ ПЕРЕБУВАННЯ / ПОСТІЙНЕ ПЕРЕБУВАННЯ, ПЕРЕБУВАННЯ ДОВГОТЕРМІНОВОГО -
РЕЗІДЕНТА ЕС - ПОДОРОЖНІ ДОКУМЕНТИ, ЗАМІНА КАРТИ ПЕРЕБУВАННЯ;
- TẠM TRÚ THƯỜNG TRÚ, THƯỜNG TRÚ DÀI HẠN CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU - QUẦY THÔNG HÀNH;

12 POBYT CZASOWY, STAŁY - REZYDENTA DŁUGOTERMINOWEGO UE -
UZUPELNIANIE BRAKUJĄCYCH DOKUMENTÓW _ 12

- Разрешение на временное проживание - Постоянный вид на жительство - дополнение отсутствующих
документов;
- Permanent, temporary residence permit / Long-term resident's EC residence permit/ SUBMISSION OF
MISSING DOCUMENTS;
- ТИМЧАСОВЕ ПЕРЕБУВАННЯ / ПОСТІЙНЕ ПЕРЕБУВАННЯ, ПЕРЕБУВАННЯ ДОВГОТЕРМІНОВОГО - ПОВНІЩЕННЯ
ДОКУМЕНТІВ;
- TẠM TRÚ THƯỜNG TRÚ, THƯỜNG TRÚ DÀI HẠN CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU - BỔ SUNG QUẦY THÔNG HÀNH;

M POKÓJ DLA MATKI Z DZIECKIEM
ROOM FOR MOTHER & CHILD

D KĄCIK ZABAW DLA DZIECI
УГОЛОК ДЛЯ ДЕТЕЙ / ДИТЯЧИЙ КУТОК / CHILDREN'S
CORNER / GÓC DÀNH CHO TRẺ EM

WC TOALETY / TOILET

W WINDA / LIFT

PARTER

1-й этаж / 1-GRAND FLOOR